

KẾ HOẠCH

Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thực hiện Kế hoạch số 152-KH/TU ngày 6/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản và Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Sở Y tế xây dựng Kế hoạch sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW và Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá tình hình, kết quả, những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm sau 5 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI). Từ đó kiến nghị, đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đề nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản và công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

2. Việc sơ kết phải bám sát các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Chỉ thị; tiến hành nghiêm túc, thiết thực theo đúng Kế hoạch, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí; nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

II. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Đánh giá việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị; trong đó tập trung đánh giá việc phổ biến, quán triệt, xây dựng và ban hành các văn bản cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, giải pháp nêu trong các Chỉ thị; công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch... đã đề ra.

2. Đánh giá việc thực hiện các chủ trương, giải pháp nêu trong Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI).

3. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân (cả chủ quan, khách quan) và bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI).

4. Đề xuất những chủ trương, giải pháp tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để nâng cao hơn nữa công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản và công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

III. HÌNH THỨC, THỜI GIAN SƠ KẾT, THỜI ĐIỂM LẤY SỐ LIỆU THỐNG KÊ

1. Hình thức sơ kết

Tùy điều kiện và tình hình thực tế các đơn vị lựa chọn hình thức sơ kết phù hợp, đảm bảo thiết thực, chất lượng, hiệu quả.

2. Thời gian sơ kết

Các đơn vị hoàn thành việc sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) trước ngày 21/6/2019.

3. Thời điểm lấy số liệu thống kê

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2018.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc căn cứ, mục đích, yêu cầu, nội dung Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI (*theo đề cương báo cáo và phụ lục kèm theo*) gửi báo cáo sơ kết về Sở Y tế (qua phòng Tổ chức cán bộ) trước ngày 24/6/2019, đồng thời gửi file điện tử theo địa chỉ quyenle260684@gmail.com

2. Giao phòng Tổ chức cán bộ - Sở Y tế là đầu mối theo dõi, đôn đốc đồng thời tiếp nhận và tổng hợp báo cáo từ đơn vị, báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 và Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI); trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời phản ánh về Sở Y tế để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị trong ngành;
- Lưu VT, TCCB.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Thơm



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản

(Kèm theo Kế hoạch số 152-KH/TU, ngày 06/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Khái quát đặc điểm tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị

Nêu đặc điểm, tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có tác động (thuận lợi, khó khăn) trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) và các quy định của pháp luật về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị

1. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW

- Các hình thức được cấp ủy, tổ chức đảng triển khai, phổ biến, quán triệt (hội nghị, qua các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành tài liệu, tổ chức các lớp tập huấn, ...); số lượng các cuộc quán triệt; số tài liệu được phát hành.

- Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia học tập, quán triệt.

- Đánh giá kết quả triển khai phổ biến, quán triệt (nhận thức của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức trong việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản và trách nhiệm trong công tác này).

2. Việc ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW

- Các văn bản do các huyện, thị, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các văn bản do cấp ủy cấp dưới trực tiếp ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện (nêu số lượng và tên một số văn bản tiêu biểu).

- Các văn bản do chính quyền địa phương, ban, sở, ngành ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành và các văn bản của các cơ quan chuyên môn trực thuộc để tổ chức thực hiện.

- Đánh giá tính kịp thời, sự phù hợp, khả thi của các văn bản được ban hành (bao gồm cả văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và văn bản triển khai thực hiện của chính quyền).

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện việc kê khai, công khai, kiểm tra, xác minh bản kê khai tài sản và xử lý vi phạm theo quy định

3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Việc chỉ đạo, đôn đốc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi phụ trách tổ chức thực hiện việc kê khai đảm bảo thời gian, đầy đủ nội dung và đúng đối tượng.

- Chỉ đạo việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định (*hình thức công khai, địa điểm công khai*).

- Đánh giá tính chủ động trong việc chỉ đạo kiểm tra, xác minh và yêu cầu cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc diện quản lý giải trình trong việc kê khai tài sản, thu nhập.

3.2. Kết quả thực hiện

3.2.1. Kết quả kê khai tài sản

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai.

- Tổng số người phải kê khai.

- Tổng số người phải kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý... (chiếm ...%).

- Số người đã thực hiện kê khai... (đạt ...%).

- Số người chậm thực hiện kê khai... (chiếm ...%); lý do.

3.2.2. Kết quả công khai bản kê khai và giải trình việc kê khai

- Số bản kê khai đã được công khai theo hình thức niêm yết.

- Số bản kê khai đã được công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp.

- Số bản kê khai chưa được công khai; lý do.

- Số người được yêu cầu giải trình.

3.2.3. Kết quả kiểm tra, xác minh tài sản

- Số người được kiểm tra, xác minh tài sản, trong đó:

+ Số người được kiểm tra, xác minh do có đơn tố cáo không trung thực trong việc kê khai;

+ Số người được kiểm tra, xác minh để có thông tin phục vụ việc bầu cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật;

+ Số người được kiểm tra, xác minh khi có căn cứ cho rằng việc giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm không hợp lý;

+ Số người được kiểm tra, xác minh khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

3.2.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về minh bạch tài sản

- Số người bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức việc kê khai.

- Số người bị xử lý kỷ luật do không tổ chức việc công khai bản kê khai.

- Số người bị xử lý kỷ luật do chậm tổng hợp báo cáo kết quả về minh bạch tài sản.

- Số người bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai tài sản.

- Số người bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản không trung thực.

- Số người bị xử lý trách nhiệm trong việc xác minh tài sản không trung thực.
- Kết quả xử lý: khiển trách..., cảnh cáo..., các hình thức khác....

3.2.5. Đánh giá kết quả kê khai, công khai, kiểm tra, xác minh bản kê khai tài sản và xử lý vi phạm theo quy định.

4. Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản

- Ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Việc tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Đánh giá kết quả kiểm tra, giám sát, thanh tra.

5. Lãnh đạo việc hoàn thiện các quy định để thực hiện pháp luật về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; quản lý bản kê khai tài sản; xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn

- Lãnh đạo việc hoàn thiện các quy định để thực hiện pháp luật về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản (*đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ*).

- Lãnh đạo việc quản lý bản kê khai tài sản phù hợp, sát thực với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị mình.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn; kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn...; áp dụng các biện pháp hỗ trợ công tác kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Chỉ đạo việc xây dựng hồ sơ quản lý, sử dụng, khai thác bản kê khai tài sản theo quy định.

- Đánh giá việc hoàn thiện các quy định để thực hiện pháp luật về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; về xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn; kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn...; áp dụng các biện pháp hỗ trợ công tác kiểm soát việc kê khai tài sản; việc xây dựng hồ sơ quản lý, sử dụng, khai thác bản kê khai tài sản theo quy định.

6. Lãnh đạo thực hiện chế độ báo cáo

Việc thực hiện thời hạn gửi báo cáo; chất lượng báo cáo.

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm: Đánh giá những ưu điểm nổi bật trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những công việc mà Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị đã nêu, nhất là việc khắc phục những hạn chế được nêu trong Chỉ thị.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, yếu kém

Đánh giá những hạn chế chủ yếu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những công việc mà Chỉ thị số 33-CT/TW đã nêu, nhất là tính hiệu quả của việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản (việc kê khai còn mang tính hình thức không; đã kiểm soát được tài sản của đối tượng thuộc diện kê khai chưa? việc xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc như thế nào?).

2.2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

- Nguyên nhân khách quan:

+ Từ cơ chế, chính sách (nêu rõ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, kể cả Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Cụ thể: về đối tượng có nghĩa vụ kê khai; về phạm vi kê khai; về hình thức công khai; về quản lý, khai thác, sử dụng bản kê khai; về xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực; xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc, ...).

+ Các nguyên nhân khác.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Từ nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

+ Các nguyên nhân khác.

- Xác định nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hạn chế, yếu kém.

3. Bài học kinh nghiệm

- Về việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Về sự lãnh đạo của cấp ủy, người đứng đầu trong việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Về công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; kiểm tra, xác minh tài sản; xử lý vi phạm trong công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Những bài học kinh nghiệm khác.

IV. Phương hướng, giải pháp và đề xuất, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả của việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản

1. Phương hướng, giải pháp: Những phương hướng, giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản thời gian qua tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Đối với Bộ Chính trị liên quan đến nội dung Chỉ thị số 33-CT/TW (nếu có cần nêu rõ nội dung nào cần sửa đổi, nội dung nào cần bổ sung; sửa đổi, bổ sung theo hướng nào; với những bất cập đó cần thiết ban hành văn bản mới thay thế Chỉ thị 33-CT/TW không, hình thức văn bản là gì).

2.2. Đối với cơ quan có thẩm quyền những nội dung cần hoàn thiện về pháp luật và hướng hoàn thiện, nhất là việc xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc.

2.3. Đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các huyện, thị, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW).

2.4. Về các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

2.5. Các đề xuất, kiến nghị cụ thể khác./.

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 01

CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 33

Năm	Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị			Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo		Ghi chú
	Số lượng các cuộc hội nghị, các lớp tập huấn... được tổ chức	Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia	Số lượng tài liệu, ấn phẩm được phát hành	Số lượng văn bản do ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; văn bản do huyện, thị, thành ủy và các văn bản do cấp ủy, cấp dưới trực tiếp ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện	Số lượng văn bản do sở, ngành ban hành hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành, văn bản do chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn trực thuộc ban hành để chỉ đạo, tổ chức thực hiện.	
2014						
2015						
2016						
2017						
2018						
Tổng số						

PHỤ LỤC 04A

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA TRÁCH NHIỆM VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN CỦA CÁC BAN, SỞ, NGÀNH

TT	Diễn giải	Tổng số	2014	2015	2016	2017	2018	Ghi chú
1	Số cuộc thanh tra, kiểm tra							
	- Số cuộc thanh tra kiểm tra theo kế hoạch							
	- Số cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất							
2	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã triển khai							
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra							
4	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã có kết luận							
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã có kết luận có vi phạm							
	- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Xây dựng chương trình, kế hoạch; chỉ đạo, triển khai, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch.							
	- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Tổ chức kê khai, công khai, quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng Bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mình quản lý; tổ chức việc xác minh theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kết luận và công khai kết luận xác minh							
6	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định về kê khai, công khai, quản lý, sử dụng Bản kê khai, xác minh, kết luận, công khai kết luận xác minh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của pháp luật.							